

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHOÁ I
về phát triển công nghiệp tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2025 - 2030

I- TÌNH HÌNH VÀ BỐI CẢNH

Qua triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ của hai tỉnh Tiền Giang và Đồng Tháp (trước khi hợp nhất) về tiếp tục thực hiện Tái cơ cấu ngành Công nghiệp đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, tình hình sản xuất công nghiệp cơ bản ổn định, phát triển theo hướng gia tăng hàm lượng công nghệ, đi vào chiều sâu. Tốc độ tăng trưởng công nghiệp được duy trì (cả giai đoạn ước đạt 6,79%/năm), đóng góp ngày càng lớn vào GRDP (chiếm 20,52% cơ cấu GRDP); nhiều ngành hàng công nghiệp chủ lực của tỉnh tăng trưởng tốt, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư phát triển; đã phát triển thêm 04 cụm công nghiệp, tạo mặt bằng cho các doanh nghiệp mở rộng, phát triển sản xuất; lĩnh vực công nghiệp chế biến tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, chiếm trên 98% tổng giá trị sản xuất của toàn ngành; doanh nghiệp không ngừng phát triển về số lượng và chất lượng góp phần giải quyết việc làm, tiêu thụ nguyên liệu nông sản của địa phương.

Bên cạnh những kết quả đạt được, phát triển công nghiệp của tỉnh nhìn chung còn chưa tương xứng với tiềm năng, chưa thực sự khẳng định là một lĩnh vực dẫn dắt quá trình phát triển kinh tế, cơ cấu ngành công nghiệp trong cơ cấu kinh tế còn thấp; tốc độ tăng trưởng công nghiệp chưa ổn định, chưa đạt như kỳ vọng, quy mô doanh nghiệp nhỏ, sản phẩm công nghiệp chưa đa dạng, giá trị gia tăng còn thấp; tiến độ triển khai một số dự án hạ tầng ở một số khu, cụm công nghiệp còn chậm, hiệu quả sử dụng đất chưa cao, việc xúc tiến kêu gọi đầu tư gặp nhiều khó khăn; năng lực tiếp cận, hấp thụ và làm chủ công nghệ mới, công nghệ tiên tiến của các doanh nghiệp còn thấp; nguồn lao động chưa đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp, còn thiếu lao động có năng lực, kỹ năng tay nghề cao.

Nguyên nhân chủ yếu do còn chịu tác động lớn từ thị trường quốc tế, ảnh hưởng của dịch Covid-19, thiên tai và biến đổi khí hậu; một số ngành, địa phương chưa thường xuyên kiểm tra, theo sát tiến độ thực hiện các dự án đầu tư của doanh nghiệp, đã giao đất nhưng chậm triển khai thực hiện, không đầu tư dẫn đến mất cơ hội đầu tư của doanh nghiệp khác; công tác nắm bắt, dự báo và chủ động định hướng phát triển sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp tại một số đơn vị, địa phương chưa sát tình hình; khả năng tài chính của nhiều doanh nghiệp còn hạn chế

nên tỉ lệ đầu tư đổi mới công nghệ chưa tương xứng với yêu cầu; thiếu sự liên doanh, liên kết trong sản xuất, đặc biệt là liên kết trong chuỗi giá trị, nguyên liệu cung ứng thừa thiếu cục bộ; cơ sở hạ tầng một số khu, cụm công nghiệp tuy được đầu tư xây dựng khá hoàn chỉnh nhưng hiệu quả sử dụng đất không cao do diện tích đất sạch còn manh mún, có khó khăn tồn đọng kéo dài. Một bộ phận doanh nghiệp chưa chủ động gắn kết, hợp tác với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong việc đào tạo và sử dụng lao động, dẫn đến nguồn lao động có thời điểm chưa đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm chỉ đạo

Kiên định quan điểm phát triển công nghiệp là một trong những động lực quan trọng tăng trưởng kinh tế của tỉnh, gắn với phát triển chuỗi giá trị nông sản, thủy sản. Phát triển công nghiệp phải đặt trong tổng thể phát triển vùng và liên kết vùng, khai thác hiệu quả hạ tầng giao thông, logistics, đô thị, cửa khẩu và kinh tế biên giới; mở rộng hợp tác với Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long và quốc tế để lan toả động lực phát triển.

Phát triển công nghiệp theo hướng xanh, bền vững, hiện đại, ưu tiên công nghiệp chế biến, công nghiệp hỗ trợ, năng lượng tái tạo và kinh tế tuần hoàn; chú trọng ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, nâng cao giá trị gia tăng, khả năng cạnh tranh và hội nhập quốc tế. Xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh minh bạch, thuận lợi, đồng hành cùng doanh nghiệp, lấy doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; chú trọng phát triển doanh nghiệp trong nước, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, đồng thời thu hút mạnh mẽ đầu tư trong và ngoài nước, nhất là các dự án công nghệ cao, quy mô lớn, giá trị gia tăng cao.

Phát triển công nghiệp phải gắn với bảo đảm an ninh kinh tế, an ninh môi trường và an ninh trong công nhân. Bảo đảm phát triển công nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu và an sinh xã hội.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu đến năm 2030, Đồng Tháp trở thành tỉnh có công nghiệp phát triển nhanh, theo hướng hiện đại, bền vững; là động lực tăng trưởng kinh tế chủ yếu. Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến gắn kết chặt chẽ với vùng nguyên liệu; thu hút các dự án sử dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường, tạo giá trị gia tăng cao. Tổ chức lại không gian công nghiệp, hình thành các vùng công nghiệp trọng điểm gắn với lợi thế địa kinh tế và kết nối với các trục giao thông chiến lược.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Tốc độ tăng trưởng GRDP công nghiệp (theo giá so sánh 2010) bình quân giai đoạn đạt 14,5%/năm.

- Đến năm 2030, giá trị GRDP công nghiệp (theo giá hiện hành) đạt 143.247 tỷ đồng.

- GRDP công nghiệp (theo giá hiện hành) chiếm 26,7% trong cơ cấu kinh tế; trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 25%.

- Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh 2010) đạt trên 408.000 tỷ đồng; trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo đạt trên 401.945 tỷ.

- Phân đầu phát triển ít nhất 08 cụm công nghiệp, tỉ lệ lấp đầy đạt 62%.

- Đưa ít nhất 10 khu công nghiệp mới đi vào hoạt động, quy mô hơn 5.000 ha; tỉ lệ lấp đầy khu công nghiệp đang hoạt động đạt ít nhất 70%.

- Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm công nghiệp đạt 14,8 tỷ USD.

- Tỉ lệ lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ đạt trên 70%.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Thống nhất về nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội đối với công tác phát triển công nghiệp

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp để cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân nhận thức sâu sắc, đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc phát triển công nghiệp tỉnh đến năm 2030. Người đứng đầu cấp uỷ, cơ quan, đơn vị trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm về việc tổ chức thực hiện phát triển công nghiệp thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương; xem nhiệm vụ hỗ trợ và phát triển công nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đạt hiệu quả thiết thực.

2. Phát triển công nghiệp gắn lợi thế từng hành lang kinh tế và các vùng công nghiệp trọng điểm

2.1 Tập trung phát triển công nghiệp gắn lợi thế từng hành lang kinh tế

(1) Hành lang kinh tế trung tâm (dọc theo tuyến cao tốc và Quốc lộ 1): Ưu tiên phát triển công nghiệp đa ngành, công nghệ cao, đô thị hiện đại và các trung tâm logistics cấp vùng; (2) Hành lang kinh tế ven biển phía Đông (dọc theo tuyến đường bộ ven biển và Quốc lộ 50): Xây dựng khu vực này trở thành cực tăng trưởng công nghiệp đa ngành, công nghệ cao và logistics; (3) Hành lang kinh tế dọc sông Tiền (từ biên giới đến cửa biển): Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến, chế biến sâu từ nông sản, thủy sản; (4) Hành lang kinh tế nội địa kết nối vùng Đồng Tháp Mười (dọc theo Quốc lộ N1, N2, Quốc lộ 30): Phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm gắn với vùng nguyên liệu; (5) Hành lang kinh tế dọc sông Hậu: Nghiên cứu phát triển ngành công nghiệp đóng tàu của tỉnh phù hợp với lợi thế về giao thông đường thủy.

2.2. Phát triển công nghiệp gắn với các vùng công nghiệp, khu kinh tế

Phát triển vùng công nghiệp dọc sông Tiền và sông Hậu thành trung tâm chế biến nông, thủy sản hàng đầu cả nước. Hình thành và thúc đẩy phát triển vùng công nghiệp Gò Công, vùng công nghiệp Tân Phước trở thành cực tăng trưởng công nghiệp đa ngành, công nghệ cao và logistics của tỉnh. Hình thành khu kinh tế ven biển Gò Công (khoảng 15 nghìn ha), khu kinh tế - công nghiệp cửa khẩu quốc tế Thường Phước (khoảng 5 nghìn ha) với trọng tâm là công nghiệp cảng biển, năng lượng và dịch vụ hậu cần cảng.

Đầu tư hạ tầng kỹ thuật vùng ven đô thị, các khu vực nông thôn có tiềm năng, thúc đẩy người dân đầu tư, xây dựng các cơ sở sản xuất chế biến, kinh doanh nhỏ trên địa bàn, phát triển các loại hình sản xuất tiểu thủ công nghiệp nhỏ.

Tập trung rà soát hiện trạng của vùng công nghiệp liên quan đến đất đai, định vị rõ vị trí, hạ tầng cho phát triển công nghiệp; xác định lộ trình đầu tư, danh mục các ngành nghề kêu gọi đầu tư để phát huy tiềm năng, lợi thế phát triển của từng vùng công nghiệp, khu kinh tế. Thẩm định chặt chẽ đối với các dự án đầu tư vào khu công nghiệp, không tiếp nhận các dự án công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường, tiềm ẩn nguy cơ gây bất ổn xã hội. Chủ động nắm tình hình, phòng ngừa, giải quyết kịp thời các mâu thuẫn, tranh chấp lao động, đình công, lãn công trái pháp luật.

3. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ các cơ chế, chính sách cho phát triển công nghiệp

Lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị và các định hướng, chủ trương của Trung ương về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Khẩn trương xây dựng Cổng một cửa đầu tư cấp tỉnh để thu hút, xúc tiến và giải quyết các thủ tục đầu tư theo mô hình một cửa. Tiếp tục rà soát, sửa đổi và hoàn thiện các cơ chế chính sách về thu hút đầu tư, phát triển cho ngành công nghiệp sau khi sáp nhập tỉnh. Triển khai các cơ chế, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu, mục tiêu phát triển công nghiệp. Cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn để thu hút các nhà đầu tư chiến lược.

Tiếp tục thực hiện phân cấp, phân quyền rõ ràng, đồng bộ trong các lĩnh vực tài chính, đầu tư, xây dựng, đất đai và các lĩnh vực khác. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, liên kết tiêu thụ và truy xuất nguồn gốc góp phần hoàn thiện hệ sinh thái công nghiệp hiện đại, xanh và bền vững.

Tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn hỗ trợ tài chính từ ngân hàng, chương trình khoa học và công nghệ, các quỹ đầu tư,... nhằm đổi mới công nghệ sản xuất nâng cao sức cạnh tranh cho sản phẩm.

4. Hoàn thiện hạ tầng hỗ trợ phát triển công nghiệp

Huy động tối đa các nguồn lực, phối hợp chặt chẽ với Trung ương để đẩy nhanh tiến độ đầu tư các công trình hạ tầng giao thông chiến lược. Thúc đẩy đầu tư các công trình giao thông kết nối các hành lang kinh tế, vùng công nghiệp và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Tập trung hoàn thiện hạ tầng, đẩy nhanh tiến độ thu hút các dự án đầu tư lắp đầy các khu, cụm công nghiệp hiện hữu. Đẩy nhanh tiến độ đưa các khu công nghiệp: Soài Rạp, Tân Phước 1, Bình Đông, Tân Kiều đi vào hoạt động; tiến độ đầu tư các khu công nghiệp: Tân Phước 2, Tân Phước 3, Tân Phước 4, Tân Phước 5, Phú Tân, Sông Hậu 2, Cao Lãnh II, Cao Lãnh III, Hoà Tân. Tập trung giải quyết các vướng mắc, tạo quỹ đất sạch, đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và xã hội (nhà ở công nhân, thiết chế văn hoá) tại các khu, cụm công nghiệp. Đồng thời, xúc tiến thủ tục để hình thành các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã được quy hoạch.

Đẩy mạnh triển khai các hệ thống cấp điện nhằm bảo đảm nguồn điện cho sản xuất công nghiệp. Quan tâm triển khai dự án năng lượng tái tạo đã được phê duyệt trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia. Triển khai phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông, hệ thống cấp, thoát nước và hệ thống thương mại, dịch vụ đồng bộ cho phát triển công nghiệp. Tập trung phát triển công nghiệp cảng biển, và các dịch vụ logistics dọc theo sông Soài Rạp và tuyến ven biển.

5. Cơ cấu các ngành công nghiệp theo hướng tăng hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng

Chú trọng phát triển công nghiệp theo chiều sâu, hiện đại, bền vững; quan tâm, phát triển sản phẩm chế biến sâu, phát triển sản phẩm cao cấp, thực phẩm dinh dưỡng, dược phẩm thiên nhiên; phát triển công nghiệp dược phẩm, hoá mỹ phẩm dựa trên các nguồn dược liệu bản địa. Hình thành chuỗi liên kết khép kín từ vùng nguyên liệu đến nhà máy chế biến, gắn với phát triển dịch vụ logistics kho lạnh, kho vận.

Tăng cường tiếp xúc, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp an tâm hoạt động; đẩy mạnh triển khai các dự án đã có chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư để tạo nguồn lực mới cho ngành; rà soát, thu hồi các dự án chậm triển khai, tạo quỹ đất sạch để thu hút phát triển công nghiệp của tỉnh.

Đẩy mạnh nghiên cứu, có chính sách phù hợp để phát triển ngành cơ khí, đóng và sửa chữa phương tiện thuỷ, khai thác hiệu quả lợi thế về hệ thống sông ngòi và các cảng thuỷ nội địa. Khuyến khích mạnh mẽ phát triển năng lượng tái tạo, đặc biệt là điện gió ngoài khơi tại vùng biển Gò Công và điện mặt trời áp mái tại các khu, cụm công nghiệp.

6. Xúc tiến, thu hút đầu tư phát triển công nghiệp

Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, kêu gọi đầu tư và đưa vào hoạt động các dự án công nghiệp mới, công nghệ cao nhằm phát triển các dòng sản phẩm mới, đa dạng, nâng cao giá trị gia tăng. Quan hệ hợp tác, liên kết phát triển với các đối tác

đầu tư trong và ngoài nước đang trên đà mở rộng, tạo ra nhiều triển vọng thu hút dự án mới, nhất là với các đối tác Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Hà Lan, Đài Loan (Trung Quốc),... Tăng cường liên kết vùng phục vụ phát triển công nghiệp bền vững, chú trọng liên kết với các địa phương tiếp giáp như An Giang, Cần Thơ, Vĩnh Long, Tây Ninh và Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Việc mở rộng thị trường, gia tăng xuất khẩu

Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh trong giai đoạn mới; tăng cường phổ biến các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, giúp các doanh nghiệp nắm bắt cơ hội, thích ứng với những thách thức của các Hiệp định. Đẩy mạnh khai thác thị trường nội địa, xây dựng mối liên kết, hợp tác chặt chẽ giữa các doanh nghiệp trên địa bàn để hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, cung cấp nguyên vật liệu nhằm khai thác tốt thị trường trong nước. Thúc đẩy thương mại điện tử, hỗ trợ việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thị trường, quảng bá hình ảnh của doanh nghiệp.

8. Về phát triển nguồn lực lao động

Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là trong lĩnh vực công nghệ sau thu hoạch, công nghệ thực phẩm, chế biến nông sản thông minh,...; nghiên cứu, hỗ trợ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đa dạng ngành, nghề đào tạo góp phần phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp; nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo nhằm tạo ra nguồn nhân lực công nghiệp có khả năng làm chủ và tiếp nhận các công nghệ sản xuất mới. Đổi mới chương trình giáo dục nghề nghiệp và đại học gắn với nhu cầu phát triển của tỉnh, chú trọng kỹ năng thực hành, ngoại ngữ, công nghệ thông tin; tăng cường liên kết với doanh nghiệp, các viện, trường lớn trong và ngoài nước.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội quán triệt và triển khai sâu rộng Nghị quyết này trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân; xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, đơn vị; lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền cùng cấp (Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân) lồng ghép các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của ngành, địa phương.

2. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện; trong đó, xác định rõ nhiệm vụ, lộ trình, phân công cụ thể để triển khai thực hiện đạt kết quả cao Nghị quyết. Lãnh đạo các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đạt các chỉ tiêu, nhiệm vụ nêu trong Nghị quyết phù hợp với phạm vi chức năng, nhiệm vụ quản lý của cơ quan, đơn vị và địa phương.

3. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch tuyên truyền và tổ chức quán triệt, phổ biến sâu rộng nội dung Nghị quyết.

4. Giao Đảng uỷ Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Văn phòng Tỉnh uỷ và các cơ quan có liên quan thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Ban Thường vụ Tỉnh uỷ để theo dõi, chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (*báo cáo*),
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban Chính sách, chiến lược Trung ương,
- Vụ Địa phương II, Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các đồng chí Tỉnh uỷ viên,
- Các ban và cơ quan Tỉnh uỷ,
- Các Đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ,
- PCVP Tỉnh uỷ (TH),
- Lưu Văn phòng Tỉnh uỷ + PTH (Phi).

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Ngô Chí Cường